

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ mô tả cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để xây dựng Khu nghỉ dưỡng, điều dưỡng và phục hồi chức năng (đợt 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mô tả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư các dự án trên địa bàn xã Cát Hải, huyện Phù Cát thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội tại Tờ trình số 15/TTr-HĐBT ngày 03/4/2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 398/TTr-STNMT ngày 19/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ mô tả cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để xây dựng Khu nghỉ dưỡng, điều dưỡng và phục hồi chức năng (đợt 1), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **607.403.264 đồng** (Sáu trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm lẻ ba nghìn, hai trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 595.493.396 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 11.909.868 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 1.200.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 840.000 đồng).

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Nhà đầu tư.

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Phù Cát; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT, PVP TD;
- Lưu: VT, K6, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ MỎ MẢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO
GPMB ĐỂ XÂY DỰNG DỰ ÁN KHU NGHỈ DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (ĐỢT 1)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Số lượng	Loại mộ		Giá trị BT, HT (đồng)
				Xây	Đất	
1	Đỗ Văn Hùng	Thôn Tân Thanh	14		14	33.600.000
2	Phan Minh Thái	Thôn Tân Thanh	69		69	165.600.000
3	Phan Minh Nhon	Thôn Tân Thanh	3		3	7.200.000
4	Đặng Văn Thao	Thôn Tân Thanh	1	1		16.371.257
5	Huỳnh Năm	Thôn Tân Thanh	7	6	1	29.622.000
6	Mai Tấn Công	Thôn Tân Thanh	4		4	9.600.000
7	Dương Thị Tiền	Thôn Tân Thanh	12	3	9	77.735.080
8	Trần Văn Trọng	Thôn Tân Thanh	6	3	3	47.302.050
9	Nguyễn Thi	Thôn Tân Thanh	2	2		31.620.320
10	Trần Ngọc Kính	Thôn Tân Thanh	1	1		17.065.460
11	Võ Công Đức	Thôn Tân Thanh	2	1	1	6.387.000
12	Mai Sào	Thôn Tân Thanh	1	1		19.524.610
13	Lê Văn Tài	Thôn Tân Thanh	2	1	1	17.843.330
14	Lê Tồn Căn	Thôn Tân Thanh	2		2	4.800.000
15	Nguyễn Công Tích	Thôn Tân Thanh	3	3		14.661.000
16	Lê Đức Cảnh	Thôn Tân Thanh	1	1		15.658.570
17	Võ Ngọc Bích	Thôn Tân Thanh	1	1		34.192.718
18	Lê Văn Tốt	Thôn Tân Thanh	1		1	2.400.000
19	Phạm Văn Thanh	Thôn Tân Thanh	3		3	9.810.000
20	Lê Thái Hùng	Thôn Tân Thanh	1		1	2.400.000
21	Trần Đình Sơn	Thôn Tân Thanh	6		6	15.300.000
22	Mộ chưa có thân chủ kê khai	Thôn Tân Thanh	7		7	16.800.000
A	Tổng Giá trị BT, HT		149	24	125	595.493.396
B	Chi phí phục vụ công tác BT, GPMB (A*2%)					11.909.868
C	Tổng cộng (A+B)					607.403.264

